Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính riêng
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý IV năm 2014

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	
Bảng cân đối kế toán riêng	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	7 - 38

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Ngàn VNĐ

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2013*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**6.383.059.913**	**6.977.778.926**
110	***I. Tiền***		***601.272.162***	***1.547.434.971***
111	1. Tiền	4	601.272.162	1.547.434.971
120	***II. Các khoản đầu tư ngắn hạn***		***81.783.240***	***81.783.240***
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	81.783.240	81.783.240
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***5.358.681.153***	***4.896.625.397***
131	1. Phải thu khách hàng	6	216.819.472	266.389.930
132	2. Trả trước cho người bán	7	220.754.882	174.358.988
135	3. Các khoản phải thu khác	8	4.921.141.005	4.455.876.479
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(34.206)	-
140	***IV. Hàng tồn kho***		***309.065.837***	***430.469.806***
141	1. Hàng tồn kho	9	309.065.837	430.469.806
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***32.257.521***	***21.465.512***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		4.653.327	3.353.890
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		11.170.114	9.327.311
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	919.928
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		16.434.080	7.864.383
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**16.805.621.865**	**14.749.502.651**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***6.333.833.672***	***3.636.154.213***
218	1. Phải thu dài hạn khác	10	6.333.833.672	3.636.154.213
220	***II. Tài sản cố định***		***510.804.041***	***601.569.859***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	379.235.897	345.055.354
222	Nguyên giá		489.532.279	440.944.357
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(110.296.382)	(95.889.003)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	52.840.248	64.469.255
228	Nguyên giá		57.360.406	67.103.840
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.520.158)	(2.634.585)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	78.727 896	192.045.250
240	***III. Bất động sản đầu tư***	***14***	***14.251.121***	***14.751.160***
241	1. Nguyên giá		15.001.180	15.001.180
242	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(750.059)	(250.020)
250	***IV. Các khoản đầu tư dài hạn***		***9.892.195.507***	***10.434.072.301***
251	1. Đầu tư vào công ty con	15.1	8.824.915.498	10.064.072.560
252	2 Đầu tư vào công ty liên kết	15.2	238.962.500	5.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	16	828.317.509	364.999.741
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***54.537.524***	***62.955.118***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	54.069.964	62.487.558
268	2. Tài sản dài hạn khác		467.560	467.560
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**23.188.681.778**	**21.727.281.577**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Ngàn VNĐ

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2013*
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**11.473.295.618**	**10.210.923.764**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***5.846.153.032***	***5.340.419.457***
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	18	3.611.437.594	2.531.117.421
312	2. Phải trả người bán	19	65.187.022	45.314.463
313	3. Người mua trả tiền trước	20	891.109.572	539.864.629
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	19.230.207	36.678.722
315	5. Phải trả người lao động		9.614.078	6.689.661
316	6. Chi phí phải trả	22	251.851.173	213.643.139
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	23	944.559.169	1.915.062.194
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		53.164.217	52.049.228
330	***II. Nợ dài hạn***		***5.627.142.586***	***4.870.504.307***
333	1. Phải trả dài hạn khác		7.983.345	7.890.919
334	2. Vay và nợ dài hạn	24	5.619.159.241	4.862.613.388
400	**B. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**11.715.386.160**	**11.516.357.813**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***25.1***	***11.715.386.160***	***11.516.357.813***
411	1. Vốn cổ phần		7.899.679.470	7.181.546.930
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.539.078.784	3.544.438.784
414	3. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	-
417	4. Quỹ đầu tư, phát triển		8.622.737	8.622.737
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		241.133.546	230.027.423
420	6. Lợi nhuận chưa phân phối		27.558.263	551.721.939
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**23.188.681.778**	**21.727.281.577**

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên	Bà Hồ Thị Kim Chi	Ông Võ Trường Sơn
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 2 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Quý IV năm 2014

Ngàn VNĐ

Mã số	*KHOẢN MỤC*	*Thuyết minh*	*Quý IV*		*Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này*	
			Năm nay	*Năm trước*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	26.1	**314.360.801**	**327.416.829**	**1.124.061.773**	**1.125.858.420**
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	26.1	**(66.766)**	**(389.119)**	**(1.239.187)**	**(769.951)**
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	26.1	**314.294.035**	**327.027.710**	**1.122.822.586**	**1.125.088.469**
11	**4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	27	**(224.728.091)**	**(274.285.037)**	**(833.655.830)**	**(948.770.730)**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**89.565.944**	**52.742.673**	**289.166.756**	**176.317.739**
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	26.2	**291.813.921**	**322.796.211**	**1.140.301.865**	**1.241.959.500**
22	**7. Chi phí tài chính**	28	**(311.633.564)**	**(286.286.121)**	**(1.014.556.085)**	**(1.070.304.457)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(307.318.368)*	*(283.026.073)*	*(992.467.195)*	*(1.010.766.899)*
24	**8. Chi phí bán hàng**		**(11.836.387)**	**(14.092.952)**	**(55.057.110)**	**(58.337.967)**
25	**9. Chi phí quản lý doanh nghiệp**		**(32.139.265)**	**(29.836.127)**	**(102.963.843)**	**(93.445.226)**
30	**10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh**		**25.770.649**	**45.323.684**	**256.891.583**	**196.189.589**
31	**11. Thu nhập khác**	29	**14.583.173**	**934.331**	**18.059.095**	**21.492.671**
32	**12. Chi phí khác**	29	**(16.596.803)**	**(6.073.032)**	**(19.471.793)**	**(46.450.704)**
40	**13. Lỗ khác**	29	**(2.013.630)**	**(5.138.701)**	**(1.412.698)**	**(24.958.033)**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2014

Ngàn VNĐ

Mã số	*KHOẢN MỤC*	*Thuyết minh*	*Quý IV*		*Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này*	
			Năm nay	*Năm trước*	*Năm nay*	*Năm trước*
50	**14. Lợi nhuận trước thuế**		**23.757.019**	**40.184.983**	**255.478.885**	**171.231.556**
51	**15. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**30**	**(5.221.540)**	**(11.803.934)**	**(33.356.421)**	**(43.807.221)**
52	**16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại**		**-**	**-**	**-**	**(329.723)**
60	**17. Lợi nhuận thuần sau thuế**		**18.535.479**	**28.381.049**	**222.122.464**	**127.094.612**

M.S.D.N: 5900377729 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI
TP. PLEIKU - T. GIA LAI

Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập

Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

Ông Võ Trường Sơn
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 2 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Quý IV năm 2014

Ngàn VNĐ

Mã số	*KHOẢN MỤC*	*Thuyết minh*	*Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này*	
			Năm nay	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**255.478.885**	**171.231.556**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định	11,12,14	25.895.010	24.120.561
03	Các khoản dự phòng		34.206	(621.219)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(2.196.183)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.124.974.220)	(1.231.730.656)
06	Chi phí lãi vay	28	992.467.195	1.010.766.899
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**148.901.076**	**(28.429.042)**
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(2.488.132)	432.224.243
10	Giảm hàng tồn kho		121.403.969	201.028.734
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		328.101.887	(18.840.201)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(10.565.321)	52.974.073
13	Tiền lãi vay đã trả		(900.163.557)	(1.085.555.738)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	30	(51.001.297)	(10.111.714)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(20.288.887)	(6.630.657)
20	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**		**(386.100.262)**	**(463.340.302)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(23.621.976)	(22.967.859)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		86.972.967	5.382.657
23	Tiền chi cho vay		(5.948.054.069)	(2.162.322.472)
24	Tiền thu hồi cho vay		2.852.094.373	879.740.335
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(482.532.613)	(2.377.431.630)
26	Tiền thu từ các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		220.909.450	3.147.982.250
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		604.182.526	209.441.725
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(2.690.049.342)**	**(320.174.994)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2014

Ngàn VNĐ

Mã số	*KHOẢN MỤC*	*Thuyết minh*	*Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này*	
			Năm nay	*Năm trước*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	1.052.599.770
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		8.214.154.800	4.930.949.967
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(6.084.168.005)	(4.076.168.384)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(359.077.347)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**2.129.986.795**	**1.548.304.006**
50	**(Giảm) tăng tiền thuần trong năm**		**(946.162.809)**	**764.788.710**
60	**Tiền đầu năm**	**4**	**1.547.434.971**	**782.646.261**
70	**Tiền cuối năm**	**4**	**601.272.162**	**1.547.434.971**

Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên	Bà Hồ Thị Kim Chi	Ông Võ Trường Sơn
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 2 năm 2015

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và hai mươi bốn (24) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty và các công ty con là chăn nuôi bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, mía, cọ dầu và các loại cây trồng khác; phát triển căn hộ, văn phòng và trung tâm thương mại để bán và cho thuê; xây dựng; xây dựng và kinh doanh thủy điện; khai khoáng; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Các báo cáo tài chính riêng quý IV năm 2014 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa	-	Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận chuyển	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	50 năm

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng, vườn cao su của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Vườn cây cao su

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định xem một thỏa thuận là hoặc hàm chứa một hợp đồng thuê được căn cứ vào nội dung của thỏa thuận và yêu cầu phải đánh giá xem việc thực hiện thỏa thuận có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản cụ thể nào hoặc chuyển giao quyền sử dụng tài sản đó.

Các hợp đồng thuê được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu của tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các nghiệp vụ thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, phân bổ theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian thuê.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3. *TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU* (tiếp theo)

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và chủ yếu là chi phí liên quan phát hành trái phiếu, giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

- Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ theo thời hạn trái phiếu;
- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê; và
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 3 đến 5 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc năm tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm tài chính cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm tài chính theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179") liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ như đã áp dụng nhất quán trong năm trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VNĐ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

- *Quỹ dự phòng tài chính*

Quỹ này được trích lập nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác.

- *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ chưa hoàn thiện, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch căn hộ.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng (tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư

Thu nhập chuyển nhượng cổ phần được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận hợp đồng.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TIỀN

Ngàn VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	*Ngày 31 tháng 12 năm 2013*
Tiền gửi ngân hàng	598.599.684	1.546.712.424
Tiền mặt tại quỹ	2.663.448	711.344
Tiền đang chuyển	9.030	11.203
TỔNG CỘNG	**601.272.162**	**1.547.434.971**

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện giá trị ròng của Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho một bên thứ ba, thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Ngàn VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	*Ngày 31 tháng 12 năm 2013*
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	81.917.932	101.925.189
Phải thu hợp đồng xây dựng	56.702.357	74.411.578
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	48.671.743	-
Phải thu tiền bán căn hộ	29.527.440	90.053.163
TỔNG CỘNG	**216.819.472**	**266.389.930**

Phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 129.217.195 ngàn VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 *(Thuyết minh số 31)*.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Ngàn VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	*Ngày 31 tháng 12 năm 2013*
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	220.754.882	131.871.026
Trả trước cho nhà thầu của các công trình xây dựng căn hộ và mua máy móc, thiết bị	-	42.487.962
TỔNG CỘNG	**220.754.882**	**174.358.988**

Trả trước cho người bán bao gồm khoản trả trước cho bên liên quan là 94.568.620 ngàn VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 *(Thuyết minh số 31)*.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Ngàn VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	*Ngày 31 tháng 12 năm 2013*
Phải thu các bên liên quan *(Thuyết minh số 31)*	3.277.007.661	2.834.606.377
Cho vay ngắn hạn các công ty	1.252.553.526	1.271.809.824
Phải thu từ bán khoản đầu tư	160.107.600	300.241.600
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	316.265	4.062.480
Các khoản khác	231.155.953	45.156.198
TỔNG CỘNG	**4.921.141.005**	**4.455.876.479**

9. HÀNG TỒN KHO

Ngàn VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	*Ngày 31 tháng 12 năm 2013*
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	206.774.904	360.052.776
Sản phẩm dở dang	52.817.541	29.632.387
Trong đó:		
Hợp đồng xây dựng	*37.375.085*	*18.508.408*
Sản xuất	*15.406.456*	*10.949.406*
Dịch vụ cung cấp	*36.000*	*174.573*
Hàng hóa	17.740.809	23.154.428
Thành phẩm	12.617.847	11.219.900
Nguyên vật liệu	11.357.881	651.854
Vật liệu xây dựng	7.285.010	4.952.734
Công cụ, dụng cụ	471.845	805.727
TỔNG CỘNG	**309.065.837**	**430.469.806**

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Ngàn VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	*Ngày 31 tháng 12 năm 2013*
Cho vay dài hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú ("An Phú") *(i)*	3.807.185.936	3.636.154.213
Cho vay dài hạn các bên liên quan *(Thuyết minh số 31)*	1.231.998.000	-
Cho vay dài hạn các bên khác *(ii)*	1.294.649.736	-
TỔNG CỘNG	**6.333.833.672**	**3.636.154.213**

(i) Cho vay dài hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú ("An Phú") thể hiện khoản cho An Phú vay theo hợp đồng vay số 01102013/HĐV – HAGL ngày 1 tháng 10 năm 2013 ("Hợp đồng [1]") và hợp đồng vay số 01/07/HĐV/AP/HAGL ngày 17 tháng 7 năm 2014 ("Hợp đồng [2]").

Hợp đồng [1] được bảo đảm bởi ông Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty. Khoản cho vay này có kỳ hạn ba năm kể từ ngày cho vay và có lãi suất là 13% mỗi năm. Mục đích của khoản vay này là để hỗ trợ tài chính cho An Phú trong việc mua lại các công ty con và các dự án bất động sản của Tập đoàn theo kế hoạch tái cấu trúc của Tập đoàn. Theo thỏa thuận với An Phú số 1510/2013/HĐCC/HAGL – AP ngày 15 tháng 10 năm 2013, các tài sản của An Phú sau khi thực hiện các nghĩa vụ đảm bảo khác thì số còn lại sẽ được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay này và Công ty có quyền thu tiền từ khoản thanh lý tài sản và các dự án của An Phú.

Hợp đồng [2] là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 650 tỷ đồng và lãi suất là 13%/năm.

(ii) Cho vay dài hạn các bên khác thể hiện khoản cho vay dài hạn các công ty khác với thời hạn đáo hạn từ tháng 5 năm 2016 đến tháng 12 năm 2017 và lãi suất trung bình từ 10,81% đến 15,1%/năm.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VNĐ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc thiết bị*	*Phương tiện vận chuyển*	*Thiết bị văn phòng*	*Vườn cây lâu năm*	*Tài sản khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	320.323.155	60.582.987	47.848.342	3.926.700	6.689.440	1.573.733	440.944.357
Tăng trong năm	68.925.600	1.879.521	1.456.565	144.815	-	108.060	72.514.561
Thanh lý, nhượng bán	(1.477.616)	(1.277.750)	(21.156.909)	(14.364)	-	-	(23.926.639)
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	387.771.139	61.184.758	28.147.998	4.057.151	6.689.440	1.681.793	489.532.279
Khấu hao lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	(50.712.061)	(20.292.559)	(18.877.583)	(2.226.828)	(2.852.506)	(927.466)	(95.889.003)
Tăng trong năm	(11.102.273)	(5.887.104)	(4.912.720)	(452.072)	(959.234)	(195.995)	(23.509.398)
Thanh lý, nhượng bán	368.436	458.403	8.260.816	14.364	-	-	9.102.019
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	(61.445.898)	(25.721.260)	(15.529.487)	(2.664.536)	(3.811.740)	(1.123.461)	(110.296.382)
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	269.611.094	40.290.428	28.970.759	1.699.872	3.836.934	646.267	345.055.354
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	326.325.241	35.463.498	12.618.511	1.392.615	2.877.700	558.332	379.235.897

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Ngàn VNĐ

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm máy vi tính*	*Tổng cộng*
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	62.188.433	4.915.407	67.103.840
Tăng trong năm	-	10.256.566	10.256.566
Thanh lý, nhượng bán	(20.000.000)	-	(20.000.000)
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	42.188.433	15.171.973	57.360.406
Khấu hao lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	-	(2.634.585)	(2.634.585)
Tăng trong năm	-	(1.885.573)	(1.885.573)
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	-	(4.520.158)	(4.520.158)
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	62.188.433	2.280.822	64.469.255
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	42.188.433	10.651.815	52.840.248

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Ngàn VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	*Ngày 31 tháng 12 năm 2013*
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25.076.579	30.715.685
Chi phí trồng cây cao su	22.072.021	23.389.781
Thiết bị phần cứng, chi phí triển khai và bản quyền phần mềm của hãng SAP	-	129.918.903
Các công trình xây dựng khác	31.579.296	8.020.881
TỔNG CỘNG	**78.727.896**	**192.045.250**

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Ngàn VNĐ
	Nhà cửa, vật kiến trúc
Nguyên giá:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	15.001.180
Tăng trong năm	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	15.001.180
Giá trị hao mòn:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	(250.020)
Tăng trong năm	(500.039)
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	(750.059)
Giá trị còn lại:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	14.751.160
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	14.251.121

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

15.1 Các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp và các công ty con như sau:

			Ngày 31 tháng 12 năm 2014		*Ngày 31 tháng 12 năm 2013*	
Tên công ty con	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Tình trạng hoạt động*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*	*Giá gốc Ngàn VNĐ*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*	*Giá gốc Ngàn VNĐ*
Các Tổng Công ty con quản lý ngành						
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	Đang hoạt động	92,13	3.830.831.000	92,13	3.830.831.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Bất động sản	Đang hoạt động	85,75	3.253.537.647	98,18	3.253.537.647
Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Năng lượng	Đang hoạt động	92,81	1.532.179.575	92,78	1.531.579.575
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Khai khoáng	Đang hoạt động	-	-	99,78	1 241.736.052
Các công ty xây dựng, kinh doanh và dịch vụ						
Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL	Bệnh viện	Đang hoạt động	99,00	99.000.000	99,00	99.000.000
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	CLB Bóng đá	Đang hoạt động	51,00	59.000.000	51,00	59.000 000
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào) *(i)*	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	80,00	26.930.800	80,00	26.930.800
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane *(i)*	Bất động sản	Trước hoạt động	100,00	17.778.990	-	-
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Xây dựng và kinh doanh	Đang hoạt động	-	-	51,85	15.800.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Xây dựng	Đang hoạt động	55,12	4.680.000	55,12	4.680.000
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Quản lý bất động sản và khách sạn	Đang hoạt động	94,50	977.486	94,50	977.486
TỔNG CỘNG				**8.824.915.498**		**10.064.072.560**

(i) Trước hoạt động thể hiện các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa đi vào hoạt động kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

15.2 Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*			*Ngày 31 tháng 12 năm 2013*		
		Số lượng cổ phiếu	*Tỷ lệ sở hữu (%)*	*Giá gốc Ngàn VNĐ*	*Số lượng cổ phiếu*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*	*Giá gốc Ngàn VNĐ*
Công ty Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Dịch vụ tư vấn	500.000	25,00	5.000.000	500.000	25,00	5.000.000
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Xây dựng và kinh doanh	1.185.000	42,55	11.850.000	-	-	-
Công ty Cổ phần An Đông Mia	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	18.318.300	30,00	183.183.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên *(*)*	Chăn nuôi	3.892.950	45,00	38.929.500	-	-	-
TỔNG CỘNG				**238.962.500**			**5.000.000**

(*) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên ("BSTN") được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900985126 ngày 28 tháng 4 năm 2014 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 1 ngày 29 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, có vốn điều lệ 200.000.000 ngàn VNĐ và Công ty nắm giữ 45% tỷ lệ sở hữu trong BSTN, tương đương 9.000.000 cổ phần phổ thông. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chưa góp đủ vốn vào BSTN.

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Ngàn VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	*Ngày 31 tháng 12 năm 2013*
Khoản cho Chính phủ Lào vay – Dự án sân bay quốc tế Attapeu *(i)*	468.094.618	116.473.034
Chi phí đất đai để phát triển Dự án Hải Châu	81.183.514	81.183.514
Khoản cho Chính phủ Lào vay – Làng vận động viên SEA Games *(ii)*	27.488.989	104.561.755
Các khoản đầu tư khác *(iii)*	251.550.388	62.781.438
TỔNG CỘNG	**828.317.509**	**364.999.741**

(i) Khoản cho Chính phủ Lào vay – Dự án sân bay quốc tế Attapeu thể hiện khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cấn trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai.

(ii) Khoản cho Chính phủ Lào vay – Làng vận động viên SEA Games thể hiện khoản cho vay không tính lãi theo Biên bản Ghi nhớ được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 4 tháng 4 năm 2008. Chi tiết như sau:

Đô la Mỹ

	Năm 2014	*Năm 2013*
Số nợ gốc đầu năm	4.958.949	8.958.949
Được hoàn trả tiền trong năm	(3.672.874)	(4.000.000)
Số dư nợ gốc cuối năm	**1.286.075**	**4.958.949**
Số dư nợ gốc cuối năm *(Ngàn VNĐ)*	**27.488.989**	**104.561.755**

(iii) Giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư khác liên quan đến các khoản hợp tác đầu tư vào dự án trồng cao su và xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Ngàn VNĐ

	Năm 2014	*Năm 2013*
Số dư đầu năm	62.487.558	136.460.631
Tăng trong năm	33.460.032	46.822.009
Chi phí phân bổ trong năm	(41.877.626)	(48 995 042)
Điều chỉnh chi phí phát hành trái phiếu đã chuyển đổi thành cổ phiếu	-	(74 089 398)
Điều chỉnh sang tài khoản khác	-	2 289 358
Số dư cuối năm	**54.069.964**	**62.487.558**

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Ngàn VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	*Ngày 31 tháng 12 năm 2013*
Trái phiếu đến hạn trả trong vòng một năm *(Thuyết minh số 24)*	1.980.000.000	500.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	1.100.000.000	1.100.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	477.143.203	836.105.239
Vay dài hạn ngân đến hạn trả trong vòng một năm *(Thuyết minh số 24)*	54.294.391	95.012.182
TỔNG CỘNG	**3.611.437.594**	**2.531.117.421**

19. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

Ngàn VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	*Ngày 31 tháng 12 năm 2013*
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	64.612.939	44.503.357
Phải trả nhà thầu xây dựng	574.083	811.106
TỔNG CỘNG	**65.187.022**	**45.314.463**

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 6.961.147 ngàn VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 *(Thuyết minh số 31)*.

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Ngàn VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	*Ngày 31 tháng 12 năm 2013*
Khách hàng thương mại trả tiền trước	626.179.604	444.609.744
Khách hàng xây dựng trả tiền trước	239.839.533	-
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	25.090.435	95.254.885
TỔNG CỘNG	**891.109.572**	**539.864.629**

Người mua trả tiền trước bao gồm các khoản nhận ứng trước từ các bên liên quan là 566.028.478 ngàn VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 *(Thuyết minh số 31)*.

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Ngàn VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	*Ngày 31 tháng 12 năm 2013*
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.447.084	35.091.960
Thuế thu nhập cá nhân	1 088.733	935.842
Thuế giá trị gia tăng	689 450	629.442
Các khoản phải nộp khác	4 940	21 478
TỔNG CỘNG	19.230.207	**36.678.722**

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Ngàn VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	*Ngày 31 tháng 12 năm 2013*
Chi phí lãi vay	243.637.312	206.652.420
Chi phí hoạt động	8.163.861	6.140.719
Các khoản khác	50.000	850.000
TỔNG CỘNG	**251.851.173**	**213.643.139**

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

Ngàn VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	*Ngày 31 tháng 12 năm 2013*
Phải trả các bên liên quan *(Thuyết minh số 31)*	849.110.839	1.880.917.066
Các khoản khác	95.448.330	34.145.128
TỔNG CỘNG	**944.559.169**	**1.915.062.194**

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Ngàn VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	*Ngày 31 tháng 12 năm 2013*
Trái phiếu thường	6.436.864.368	4.146.073.000
Trái phiếu hoán đổi	1.130.000.000	1.130 000.000
Vay dài hạn ngân hàng	86.589.264	181.552.570
TỔNG CỘNG	**7.653.453.632**	**5.457.625.570**
Trong đó:		
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả trong vòng một năm (Thuyết minh số 18)	*54.294.391*	*95.012.182*
Trái phiếu đến hạn trả trong vòng một năm (Thuyết minh số 18)	*1.980.000.000*	*500.000.000*
Nợ dài hạn	*5.619.159.241*	*4.862.613.388*

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 *Tăng giảm vốn chủ sở hữu*

Ngàn VNĐ

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Quỹ dự phòng tài chính*	*Lợi nhuận chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm 2013						
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2012	5.373.710.490	2.880.972.568	8.622.737	223.672.692	798.857.935	9.285.836.422
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	127.094.612	127.094.612
Chia cổ tức bằng tiền cho cổ đông hiện hữu	-	-	-	-	(359.077.347)	(359.077.347)
Chào bán cổ phần phổ thông cho cổ đông hiện hữu	1.074.742.100	(22.142.330)	-	-	-	1.052.599.770
Phát hành cổ phần phổ thông để chuyển đổi trái phiếu quốc tế	733.094.340	685.608.546	-	-	-	1.418.702.886
Trích lập quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	6.354.731	(10.167.568)	(3.812.837)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký	-	-	-	-	(4.985.693)	(4.985.693)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2013	**7.181.546.930**	**3.544.438.784**	**8.622.737**	**230.027.423**	**551.721.939**	**11.516.357.813**

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Ngàn VNĐ

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Cổ phiếu quỹ*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Quỹ dự phòng tài chính*	*Lợi nhuận chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm 2014							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2013	7.181.546.930	3.544.438.784	-	8.622.737	230.027.423	551.721.939	11.516.357.813
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	222.122.464	222.122.464
Thu hồi cổ phiếu ESOP làm cổ phiếu quỹ	-	-	(686.640)	-	-	-	(686.640)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu *(*)*	718.132.540	-	-	-	-	(718.132.540)	-
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ của chi phí phát hành cổ phiếu	-	(5.360.000)	-	-	-	-	(5.360.000)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	11.106.123	(17.769.797)	(6.663.674)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký	-	-	-	-	-	(10.383.803)	(10.383.803)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2014	**7.899.679.470**	**3.539.078.784**	**(686.640)**	**8.622.737**	**241.133.546**	**27.558.263**	**11.715.386.160**

(*) Ngày 19 tháng 9 năm 2014, Công ty đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức năm 2013 cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:1 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu hiện hành được nhận 1 cổ phiếu phát hành thêm). Nguồn vốn để phát hành cổ phiếu để chia cổ tức được lấy từ lợi nhuận chưa phân phối của Công ty. Việc phát hành này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 18 tháng 4 năm 2014. Trên cơ sở đó, Công ty đã hạch toán tăng vốn cổ phần và giảm lợi nhuân chưa phân phối 718.132.540 ngàn VNĐ. Ngày 19 tháng 9 năm 2014, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ hai mươi bốn (24) của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai về việc tăng vốn điều lệ lên mức 7.899.679.470 ngàn VNĐ.

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 *Cổ phiếu*

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 Cổ phiếu	*Ngày 31 tháng 12 năm 2013 Cổ phiếu*
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	789.967.947	718.154.693
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	789.967.947	718.154.693
Cổ phiếu phổ thông	*789.967.947*	*718.154.693*
Số lượng cổ phiếu quỹ	68.664	-
Cổ phiếu phổ thông	*68.664*	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	789.899.283	718.154.693
Cổ phiếu phổ thông	*789.899.283*	*718.154.693*

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

26. DOANH THU

26.1 *Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ*

Ngàn VNĐ

	Quý IV		*Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này*	
	Năm nay	*Năm trước*	*Năm nay*	*Năm trước*
Doanh thu gộp	**314.360.801**	**327.416.829**	**1.124.061.773**	**1.125.858.420**
Trong đó:				
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	*109.333.428*	*210.610.079*	*493.556.543*	*670.616.221*
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	*146.623.097*	*55.414.086*	*360.245.826*	*182.537.118*
Doanh thu căn hộ	*38.184.143*	*45.772.679*	*193.497.769*	*202.413.174*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*20.220.133*	*15.619.985*	*76.761.635*	*70.291.907*
Các khoản giảm trừ doanh thu	**(66.766)**	**(389.119)**	**(1.239.187)**	**(769.951)**
Hàng bán bị trả lại	*(48.791)*	*(10.170)*	*(952.791)*	*(356.831)*
Thuế tiêu thụ đặc biệt	*(12.905)*	*(378.949)*	*(263.832)*	*(413.120)*
Thuế xuất khẩu	*(5.070)*	-	*(22.564)*	-
Doanh thu thuần	**314.294.035**	**327.027.710**	**1.122.822.586**	**1.125.088.469**
Trong đó				
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	*109.279.567*	*210.287.419*	*492.581.188*	*670.259.390*
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	*146.623.097*	*55.414.086*	*360.245.826*	*182.537.118*
Doanh thu căn hộ	*38.184.143*	*45.772.679*	*193.497.769*	*202.413.174*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*20.207.228*	*15.553.526*	*76.497.803*	*69.878.787*

26. DOANH THU (tiếp theo)

26.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

Ngàn VNĐ

	Quý IV		*Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này*	
	Năm nay	*Năm trước*	*Năm nay*	*Năm trước*
Lãi cho vay	267.341.725	290.089.898	945.149.614	599.778.329
Cổ tức nhận được	-	10.022.304	116.487.639	49.301.878
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.367.422	21.670.446	45.335.058	74.336.580
Thu nhập từ các khoản đầu tư	10.475.014	1.150.000	17.977.157	513.887.500
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.629.760	(136.437)	15.352.397	4.655.213
TỔNG CỘNG	**291.813.921**	**322.796.211**	**1.140.301.865**	**1.241.959.500**

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Ngàn VNĐ

	Quý IV		*Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này*	
	Năm nay	*Năm trước*	*Năm nay*	*Năm trước*
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	79.710.482	175.276.392	374.531.448	565.678.737
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	100.737.693	49.861.685	244.125.051	163.361.908
Giá vốn căn hộ	30.212.013	35.662.275	153.277.873	161.484.551
Giá vốn dịch vụ cung cấp	14.067.903	13.484.685	61.721.458	58.245.534
TỔNG CỘNG	**224.728.091**	**274.285.037**	**833.655.830**	**948.770.730**

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Ngàn VNĐ

	Quý IV		*Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này*	
	Năm nay	*Năm trước*	*Năm nay*	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	307.318.368	283.026.073	992.467.195	1.010.766.899
Chi phí phát hành trái phiếu	4.222.897	-	15.283.896	50.714.414
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	(2.908.733)	6.614.121	2.406.036
Lỗ từ hoạt động đầu tư	-	5.584.100	-	5.584.100
Các khoản khác	92.299	584.681	190.873	833.008
TỔNG CỘNG	**311.633.564**	**286.286.121**	**1.014.556.085**	**1.070.304.457**

29. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Ngàn VNĐ

	Quý IV		*Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này*	
	Năm nay	*Năm trước*	*Năm nay*	*Năm trước*
Thu nhập khác	**14.583.173**	**934.331**	**18.059.095**	**21.492.671**
Tiền thu thanh lý tài sản cố định	13.952.167	165.000	14.667.014	5.382.657
Các khoản khác	631.006	769.331	3.392.081	16.110.014
Chi phí khác	**(16.596.803)**	**(6.073.032)**	**(19.471.793)**	**(46.450.704)**
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	(13.196.335)	(170.313)	(14.642.262)	(5.372.188)
Các khoản phạt	(1.932.643)	(3.292.389)	(2.163.083)	(19.522.610)
Các khoản khác	(1.467.825)	(2.610.330)	(2.668.448)	(21.555.906)
GIÁ TRỊ THUẦN	**(2.013.630)**	**(5.138.701)**	**(1.412.698)**	**(24.958.033)**

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được tính như sau:

Ngàn VNĐ

	Năm 2014	*Năm 2013*
Thuế TNDN hiện hành	33.356.421	55.405.526
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa của các năm trước theo biên bản quyết toán thuế	-	(11.598.305)
	33.356.421	**43.807.221**
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	329.723
TỔNG CỘNG	**33.356.421**	**44.136.944**

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được tính như sau:

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Ngàn VNĐ

	Năm 2014	*Năm 2013*
Lợi nhuận trước thuế	**255.478.885**	**171.231.556**
Các khoản chi phí không được khấu trừ	16.502.664	83.684.886
Các khoản phạt	2.489.381	19.522.610
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	(1.318.891)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(6.363.197)	(2.196.183)
Thu nhập cổ tức	(116.487.639)	(49.301.878)
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	**151.620.094**	**221.622.100**
Chi phí thuế TNDN ước tính	**33.356.421**	**55.405.526**
Trích thừa chi phí thuế TNDN trong các năm trước theo biên bản quyết toán thuế	-	(11.598.305)
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm	**33.356.421**	**43.807.221**
Thuế TNDN phải trả đầu năm	35.091.960	36.707.117
Thuế TNDN đã trả trong năm	(51.001.297)	(10.111.714)
Thuế TNDN phải trả cấn trừ với thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo thông báo của cơ quan thuế	-	(35.310.664)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	**17.447.084**	**35.091.960**

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Ngàn VNĐ

Các bên liên quan	*Quan hệ*	*Giao dịch*	*Số tiền*
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	149.449.349
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	53.502.103
		Doanh thu bán tài sản cố định	555.267
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cổ tức được nhận	83.091.160
		Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	81.797.144
		Mua tài sản cố định	29.458.429
		Lãi chuyển nhượng cổ phiếu	11.820.131
		Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	2.719.565
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.536.376
		Mua hàng hóa	778.471

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau (tiếp theo):

Ngàn VNĐ

Các bên liên quan	*Quan hệ*	*Giao dịch*	*Số tiền*
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	95.940.221
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	21.118.198
		Doanh thu bán tài sản cố định	105.180
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	86.129.073
		Doanh thu bán tài sản cố định	14.006.567
		Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	2.275.569
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.080.080
Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	98.902.326
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi phí lãi vay công ty con	51.293.656
		Cổ tức được nhận	33.326.520
		Mua tài sản cố định	362.841
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	45.865.799
		Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	16.760.996
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	5.020.423
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	27.710.262
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	16.398.978
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	41.908.333
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng hoá và dịch vụ	30 941.598
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	10.331.992
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	35 169.423
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi phí quảng cáo	13 000.000
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	9 805.749
		Doanh thu bán hàng hoá và dịch vụ	839 495

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau (tiếp theo).

Ngàn VNĐ

Các bên liên quan	*Quan hệ*	*Giao dịch*	*Số tiền*
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	17.583.284
		Mua dịch vụ	1.774.160
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	15.225.589
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	253.030
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Doanh thu bán hàng	6.108.591
		Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	3.737.500
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	603.286
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	3.470.460
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Doanh thu hợp đồng xây dựng	5.802.738
		Mua hàng hóa và dịch vụ	1.143.889
		Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	22.265
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	2.332.395

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Ngàn VNĐ

Các bên liên quan	*Quan hệ*	*Giao dịch*	*Số dư*
Các khoản phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu bán tài sản cố định	48.671.743
		Phải thu hợp đồng xây dựng	27.951
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	13.195.607
		Bán hàng hóa và dịch vụ	8.159.182
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	13.322 294
		Bán hàng hóa	2.681.423
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	9.094.557
		Bán hàng hóa	2.657 184

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau (tiếp theo):

Ngàn VNĐ

Các bên liên quan	*Quan hệ*	*Giao dịch*	*Số dư*
Các khoản phải thu khách hàng (tiếp theo)			
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	7.528.941
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	7.304.082
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	5.957.054
Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	5.469.715
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trúc Thịnh	Bên liên quan	Bán hàng hóa	4.173.740
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	973.722
TỔNG CỘNG			**129.217.195**
Các khoản trả trước cho người bán			
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Ứng trước dịch vụ quảng cáo	94.568.620
Các khoản phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho mượn tạm	1.118.513.247
		Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	474.373.578
		Phải thu cổ tức	83.091.160
		Phải thu chuyển nhượng cổ phần	38.086.144
		Chi phí trả hộ	5.856.644
Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	805.723.784
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	455.077.570
		Chi phí trả hộ	1.582.675
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi phí trả hộ	57.584.004
		Cho mượn tạm	12.079.500
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL – Kontum	Công ty con	Cho mượn tạm	47.502.935
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi phí trả hộ	43.613.585
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	40.000.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho mượn tạm	24.125.417

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau (tiếp theo):

Ngàn VNĐ

Các bên liên quan	*Quan hệ*	*Giao dịch*	*Số dư*
Các khoản phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)			
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho mượn tạm	18.791.500
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	15.562.764
		Chi phí trả hộ	23.683
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho mượn tạm	5.549.000
		Phải thu tiền lãi vay	4.787.500
		Chi phí trả hộ	879.961
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Nhờ thu hộ	9.883.128
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Nhờ thu hộ	7.031.539
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	3.895.451
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi phí trả hộ	1.558.400
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	1.834.492
TỔNG CỘNG			**3.277.007.661**
Các khoản phải thu dài hạn khác			
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	500.000 000
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	350.000 000
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	331.998.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	50.000 000
TỔNG CỘNG			**1.231.998.000**
Các khoản phải trả người bán			
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	3 525.203
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua dịch vụ	1 575.000
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	833.948

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau (tiếp theo):

Ngàn VNĐ

Các bên liên quan	*Quan hệ*	*Giao dịch*	*Số dư*
Các khoản phải trả người bán (tiếp theo)			
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gai Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	808.520
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	218.476
TỔNG CỘNG			**6.961.147**
Các khoản người mua trả tiền trước			
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	140.635.850
Công ty Cổ phần Hoành Anh Đắk Lắk	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	108.559.742
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	95.999.755
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	89.574.836
		Ứng trước hợp đồng xây dựng	5.440.930
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Ứng trước hợp đồng xây dựng	84.398.603
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	41.418.762
TỔNG CỘNG			**566.028.478**
Các khoản phải trả khác			
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Vay mượn tạm	594.402.006
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	135.532.683
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	109.274.334
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Chi hộ	6.093.450
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi hộ	3.808.366
TỔNG CỘNG			**849.110.839**

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã công bố phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 1.000 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VNĐ) do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam thu xếp phát hành. Những trái phiếu này phải hoàn trả sau năm (5) năm với lãi suất là 10,5% cho năm đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi tiếp theo sẽ được xác định bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VNĐ, trả sau, kỳ hạn mười hai (12) tháng công bố tại Chi nhánh của bốn Ngân hàng thương mại tại Gia Lai bao gồm: Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Gia Lai, Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương – Chi nhánh Gia Lai, Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai và Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai tại mỗi Ngày Xác Định Lãi Suất cộng (+) biên độ 4%/năm. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng ngày 31 tháng 12 năm 2014, với tổng số tiền thu được là 1.000 tỷ VNĐ vào ngày 6 tháng 1 năm 2015. Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai, bổ sung vốn cho các dự án trồng, chăm sóc cây cao su, cọ dầu, xây dựng nhà máy chế biến cọ dầu và xây dựng nhà máy nhiệt điện của Tập đoàn và bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Các trái phiếu thường nói trên được đảm bảm bằng quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất giữa Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh – Quang Minh và quốc gia Lào và tài sản gắn liền với đất, quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất giữa Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu và quốc gia Lào và tài sản gắn liền với đất, quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính riêng.

Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên	Bà Hồ Thị Kim Chi	Ông Võ Trường Sơn
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 2 năm 2015